

Bản án số: 67/2018/HS-PT
Ngày: 22-10-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Thẩm phán: Ông Bùi Quang Sơn

Ông Nguyễn Kim Tư

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Ngọc Nôm – Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 61/2018/HSPT ngày 20 tháng 9 năm 2018 đối với bị cáo Cao Văn Lê do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 14/2018/HS-ST ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

- Bị cáo có kháng cáo:

Cao Văn L (Út Đ), sinh năm 1974 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hoá: 4/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Văn C (cH) và bà Lê Thị H; có vợ Lê Thị Kim C (đã ly hôn); có 02 người con: lớn sinh năm 1999, nhỏ sinh năm 2007; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 69B ngày 20/9/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre. Bị cáo tại ngoại; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 28/11/2017, sau khi đã uống rượu, Cao Văn L mang theo hai chai thuốc bảo vệ thực vật và 01 con dao đến nhà anh Lê Thanh P ở ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre tìm và uống bia cùng chị Nguyễn Thị Trúc L (bạn gái của L) cùng một số người khác. Sau đó L cùng chị L và anh Lê Lập P tiếp tục đến điểm

nhạc sống P ở ấp P, xã P, huyện M. Khoảng 22 giờ cùng ngày, L và chị L mỗi người điều khiển một xe mô tô về đến ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. Thấy trời mưa nên L kêu chị L dừng xe để lấy áo mưa mặc nhưng L từ chối nên hai bên cãi nhau, L đến xe lấy hai lọ nhựa chứa thuốc bảo vệ thực vật đến gặp L dọa tự tử cùng L nhưng L không đồng ý và tiếp tục cãi vã, L đem lọ nhựa lại xe cắt và lấy dao có lưỡi bằng kim loại dài khoảng 30cm, rộng khoảng 07cm, cán gỗ dài khoảng 20cm. Thấy vậy L bỏ chạy, L đuổi theo chém trúng vai trái và kéo áo làm L ngã xuống lộ. Cao Văn L chém tiếp vào cổ tay và bàn tay trái của chị L. Lúc này, anh Nguyễn Văn Diễn đến can ngăn nên Cao Văn L bỏ đi, chị L được mọi người đưa đến bệnh viện điều trị thương tích.

*Vật chứng thu giữ:

- Bà Võ Thị H là mẹ chị L giao nộp 01 quần thun, ống dài, màu xám.

- Cao Văn L giao nộp:

+ 01 áo sơ mi, ngắn tay, bằng vải, sọc xuôi màu xanh, nền trắng, có túi áo bên ngực trái.

+ 01 áo khoác dài tay, loại dây kéo, màu đen, tay áo bên trái có sọc ngang màu trắng, có dòng chữ “CONVERSE”, có một vết rách dài 6,5cm, cách cổ áo 27cm và cách ống tay phải 12cm.

+ 01 quần sọt jeans màu xanh.

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Sirius, màu đỏ đen xám, mang biển số 71B1-447.04.

+ 01 lọ nhựa màu trắng, nắp màu xanh, trên thân lọ có ghi dòng chữ “MOTOX 5EC”, bên trong có chứa dung dịch màu trắng sữa.

+ 01 lọ màu trắng, nắp màu xanh, trên thân lọ có ghi dòng chữ “APPENCARB SUPER 50FL”, bên trong có chứa dung dịch.

- Chị Nguyễn Thị Trúc L giao nộp:

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Sirius, màu đỏ đen xám, biển số 71B3-103.82.

+ 01 chìa khóa xe.

+ 01 mũ bảo hiểm màu đỏ.

Đối với con dao sau khi gây thương tích cho chị Nguyễn Thị Trúc L, bị cáo Cao Văn L đã bỏ mất, Cơ quan điều tra không tìm được.

Theo bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 11-1217/TgT ngày 29/12/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Bến Tre kết luận đối với Nguyễn Thị Trúc L như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Vết thương ngang mặt sau trong 1/3 dưới cẳng tay trái kích thước: 05cm x 03cm gây:

+ Đứt gân gấp, gân duỗi cổ tay trụ.

+ Gãy đầu dưới xương trụ: 10%.

+ Hiện: vết thương lành sẹo, kích thước 05cm x 0,1cm; xương lành thẳng trục, bàn tay gấp duỗi, sấp ngửa bình thường.

Cơ chế hình thành vết thương là do vật sắc nhọn gây ra.

- Vết thương ngang mặt lòng ngón 2,3,4,5 bàn tay trái.

+ Đứt gân gấp nông, sâu các ngón 2,3,4.

+ Đứt lìa đốt xa ngón 5.

+ Hiện: ngón 2,3,4 không gấp duỗi được cứng khớp liên đốt, mồm cụt đốt xa ngón 5 lành.

Ngón 2 cứng các khớp liên đốt: 11%.

Ngón 3 cứng các khớp liên đốt: 07%.

Ngón 4 cứng các khớp liên đốt: 05%.

Mất đốt xa ngón 5: 01%

Cơ chế hình thành vết thương là do vật sắc nhọn gây ra.

- Vết thương vai trái kích thước 06cm x 04cm: 01%

- Hiện vết thương lành sẹo, kích thước 06cm x 0,2cm.

2. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là: 30%.

Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại Nguyễn Thị Trúc L 01 xe mô tô nhãn hiệu Sirius, màu đỏ đen xám, mang biển số 71B3-103.82, 01 chìa khóa xe, 01 mũ bảo hiểm màu đỏ; trả lại cho bị cáo 01 xe mô tô nhãn hiệu Sirius, màu đỏ đen xám, mang biển số 71B1-447.04. Bị hại yêu cầu bồi thường chi phí điều trị, mất thu nhập và tổn thất tinh thần tổng cộng 56.000.000 đồng, bị cáo đã bồi thường xong.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2018/HS-ST ngày 17-8-2018 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Cao Văn L phạm “Tội cố ý gây thương tích”;

Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Cao Văn L (Út Đ) 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí, quyền và thời hạn kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 31/8/2018 bị cáo Cao Văn L kháng cáo yêu cầu được giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thừa nhận hành vi dùng dao chém bị hại Nguyễn Thị Trúc L gây thương tích đúng như nội dung Bản án sơ thẩm đã tuyên. Bị cáo giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và bổ sung kháng cáo xin được hưởng án treo.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau:

Bị cáo có hành vi cố ý dùng dao chém bị hại Nguyễn Thị Trúc L gây tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 30%, hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến sức khỏe của người khác, gây mất an ninh trật tự an toàn xã hội. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Cao Văn L phạm “Tội cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 (điểm a, i khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật; mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo là tương xứng; tại cấp phúc thẩm bị cáo không bổ sung thêm tình tiết mới có ý nghĩa xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị hại có ý kiến bằng văn bản không đồng ý giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và yêu cầu giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm đ khoản 2 (điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Cao Văn L 02 (hai) năm tù về “Tội cố ý gây thương tích”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày H thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bị cáo nói lời sau cùng: xin Hội đồng xét xử phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Cao Văn L khai nhận hành vi cố ý gây thương tích cho bị hại Nguyễn Thị Trúc L phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, thể hiện: khoảng 22 giờ ngày 28/11/2017 trên lộ liên xã Thạnh Ngãi – Tân Phú Tây, đoạn thuộc ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre, bị cáo Cao Văn L chỉ vì mâu thuẫn nhỏ nhặt đã có hành vi dùng dao lưỡi bằng kim loại dài khoảng 30cm, rộng khoảng 07cm, cán bằng gỗ dài khoảng 20cm, là hung khí nguy hiểm chém trúng vai trái, cổ tay và bàn tay trái của chị Nguyễn Thị Trúc L gây tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 30%. Bị cáo là người thành niên có năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, chỉ vì nguyên do nhỏ nhen đã dùng hung khí nguy hiểm chém bị hại gây tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 30%, hành vi của bị cáo đã xâm hại đến sức khỏe của bị hại. Hành vi của bị cáo đã cấu thành “Tội cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 2 (điểm a, i khoản 1) Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Theo khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định: “Điều luật xóa bỏ một tội phạm, một hình phạt, một tình tiết tăng nặng, *quy định một hình phạt nhẹ hơn*, một tình tiết giảm nhẹ mới hoặc mở rộng phạm vi áp dụng án treo, miễn trách nhiệm hình sự, loại trừ trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt, giảm hình phạt, tha tù trước thời hạn có điều kiện, xóa án tích và quy định khác có lợi cho người phạm tội, thì được áp dụng đối với hành vi phạm tội đã thực hiện trước khi điều luật đó có hiệu lực thi hành”. Theo điểm b khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội quy định: “Các điều khoản của Bộ luật Hình sự năm 2015 xóa bỏ một tội phạm, một hình phạt, một tình tiết tăng nặng; *quy định hình phạt nhẹ hơn*, tình tiết giảm nhẹ mới; miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt, giảm hình phạt, xóa án tích và các quy định khác có lợi cho người phạm tội thì được áp dụng đối với cả những hành vi phạm tội xảy ra trước 00 giờ 00 phút ngày 01 tháng 01 năm 2018 mà sau thời điểm đó mới bị phát hiện, đang bị điều tra, truy tố, xét xử hoặc đối với người đang được xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt, xóa án tích”. Như vậy; khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội quy định về việc áp dụng quy định có lợi cho bị cáo; trong trường hợp này bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trước 00 giờ 00 phút ngày 01 tháng 01 năm 2018, theo quy định tại khoản 2 Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999 có mức hình phạt tù từ “02 năm đến 07 năm” là nặng hơn so với quy định tại khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 có mức hình phạt tù từ “02 năm đến 06 năm” nên bị cáo được hưởng quy định có lợi theo quy định tại khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Cao Văn L phạm “Tội cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 (điểm a, i khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên; trong phần quyết định của Bản án sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm không viện dẫn khoản 2 (điểm a, i khoản 1) Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7 của Bộ

luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội là chưa đầy đủ, chưa phù hợp với hướng dẫn tại Công văn số 327/TANDTC-PC ngày 07/11/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, nên cần rút kinh nghiệm.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo yêu cầu được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, sau khi phạm tội thành khẩn khai báo, đã tự nguyện bồi thường thiệt hại do hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, bị cáo có cha ruột là người có công với Tổ quốc được Nhà nước tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng Nhất, có bà nội được tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng, có các chú, bác là liệt sĩ, đã áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo 02 năm tù. Xét thấy; mặc dù bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015; tuy nhiên, bị cáo phạm tội có hai tình tiết định khung tăng nặng “dùng hung khí nguy hiểm” và “có tính chất côn đồ”, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý, xâm hại đến sức khỏe của bị hại, gây mất an ninh trật tự an toàn xã hội, Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã áp dụng quy định có lợi cho bị cáo xử phạt bị cáo 02 năm tù là mức hình phạt khởi điểm theo khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015, mức hình phạt tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo là tương xứng và không cho bị cáo hưởng án treo là đúng quy định của pháp luật. Tại cấp phúc thẩm bị cáo đưa ra tình tiết gia đình có công với Tổ quốc, đã bồi thường xong cho bị hại số tiền 56.000.000 đồng nhưng những tình tiết này đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét cho bị cáo; bị cáo đưa ra tình tiết có mẹ già sinh năm 1946 nhưng gia đình bị cáo còn có 07 anh, chị, em khác vẫn có điều kiện chăm sóc mẹ già thay thế cho bị cáo; bị cáo đưa ra tình tiết có 02 người con đang đi học, xét thấy bị cáo có người con sinh năm 1999 và người con sinh năm 2007 có khả năng tự lo cho bản thân; vì vậy những tình tiết mà bị cáo đưa ra tại cấp phúc thẩm để yêu cầu được giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là không đủ điều kiện để được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận; tại cấp phúc thẩm bị hại có ý kiến bằng văn bản không đồng ý giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Xét thấy quyết định của Bản án sơ thẩm về phần hình phạt tù đối với bị cáo có căn cứ và đúng pháp luật. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và thay đổi biện pháp chấp hành hình phạt tù cho bị cáo nên không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm như Kiểm sát viên đề nghị là phù hợp.

[4] Về án phí: theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị Quyết số 326 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Cao Văn L; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 14/2018/HSST ngày 17-8-2018 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre;

Áp dụng khoản 2 (điểm a, i khoản 1) Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; điểm đ khoản 2 (điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Cao Văn L 02 (hai) năm tù về “Tội cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

2. Về án phí: căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: bị cáo Cao Văn L phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về phân trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày H thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ - CA tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư Pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc(1b);
- Công an huyện Mỏ Cày Bắc (1b);
- TAND huyện Mỏ Cày Bắc (3b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc (1b);
- Bị cáo tại ngoại (1b);
- UBND xã T, huyện M (1b);
- Vụ GDKT I TANDTC (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (6b);
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Tôn Văn Thông